

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

HÀ NỘI THÁNG 4 NĂM 2012

Hà nội, ngày tháng năm 2012

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo : 2011

Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ : Lô E9 đường Phạm Hùng – Trung Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội

Điện thoại : 04-37848204 Fax: 04-37848202

Website : www.vimeco.com.vn Mail: mail@vimeco.com

I/ Khái quát chung về Công ty

Công ty cổ phần VIMECO, tên giao dịch là VIMECO JOINT STOCK COMPANY, gọi tắt là " Công ty" tiền thân là Công ty cơ giới, lắp máy và xây dựng được thành lập theo Quyết định số: 179/BXD-TCLĐ ngày 24/3/1997 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng. Từ ngày 06/12/2002 Công ty cơ giới, lắp máy và xây dựng chuyển thành Công ty cổ phần cơ giới, lắp máy và Xây dựng theo Quyết định số 1485/QĐ-BXD ngày 07/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103001651 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo giấy phép đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 8 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày **23/05/2008** Công ty cổ phần cơ giới, lắp máy và Xây dựng được đổi tên thành Công ty cổ phần VIMECO.

Vốn điều lệ Công ty tính đến **31/12/2011** là **65** tỷ đồng tương đương **6.500.000** cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là **VMC**.

Ngành nghề kinh doanh

- *Tư vấn đầu tư xây dựng : lập, quản lý các dự án đầu tư xây dựng ; khảo sát xây dựng ; giám sát thi công xây lắp, kiểm định chất lượng công trình ; thí nghiệm. Tư vấn đấu thầu ; tư vấn chuyển giao thiết bị công nghệ mới, thiết bị tự động hóa ;*

- *Hoạt động kinh doanh bất động sản : kinh doanh bất động sản và dịch vụ bất động sản ; Cho thuê văn phòng, khách sạn, nhà chung cư. Quản lý, duy tu và khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật, khu đô thị, chung cư, văn phòng.*

- *Thi công xây lắp : san nền, xử lý nền đất yếu ; thi công hạ tầng kỹ thuật các khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải ; đường dây và trạm điện có cấp điện áp tới 220KV ; thi công các hệ thống phòng cháy, chữa cháy ; xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp, giao thông (đường bộ, sân bay, cảng, cầu các cấp), công trình bưu điện, công trình thủy lợi – thủy điện, đê kè, đập ;*

- Khai thác, sản xuất, kinh doanh : cát đá, sỏi, gạch ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường và các vật liệu khác dùng trong xây dựng và trang trí nội, ngoại thất ; kết cấu bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm, vật tư, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ, phương tiện vận tải ;

- Gia công, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, cho thuê : xe máy, thiết bị, dây chuyền công nghệ, kết cấu thép phục vụ cho các công trình dân dụng, công nghiệp, đường dây và trạm ;

- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển và giao nhận hàng hóa ;

- Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu : vật liệu xây dựng các loại, vật tư, máy móc, thiết bị, dây truyền công nghệ, phương tiện vận tải ;

- Kinh doanh, giáo dục đào tạo các ngành nghề : cơ khí, sửa chữa thiết bị, xây dựng ; điện dân dụng- công nghiệp, thiết bị điều hòa thông gió, thang máy ; hệ thống điện nhẹ ; đào tạo ngoại ngữ ; giáo dục mầm non (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Các hình thức khen thưởng Công ty đã đạt được trong năm 2011:

- Doanh nghiệp VINACONEX tiêu biểu năm 2011.

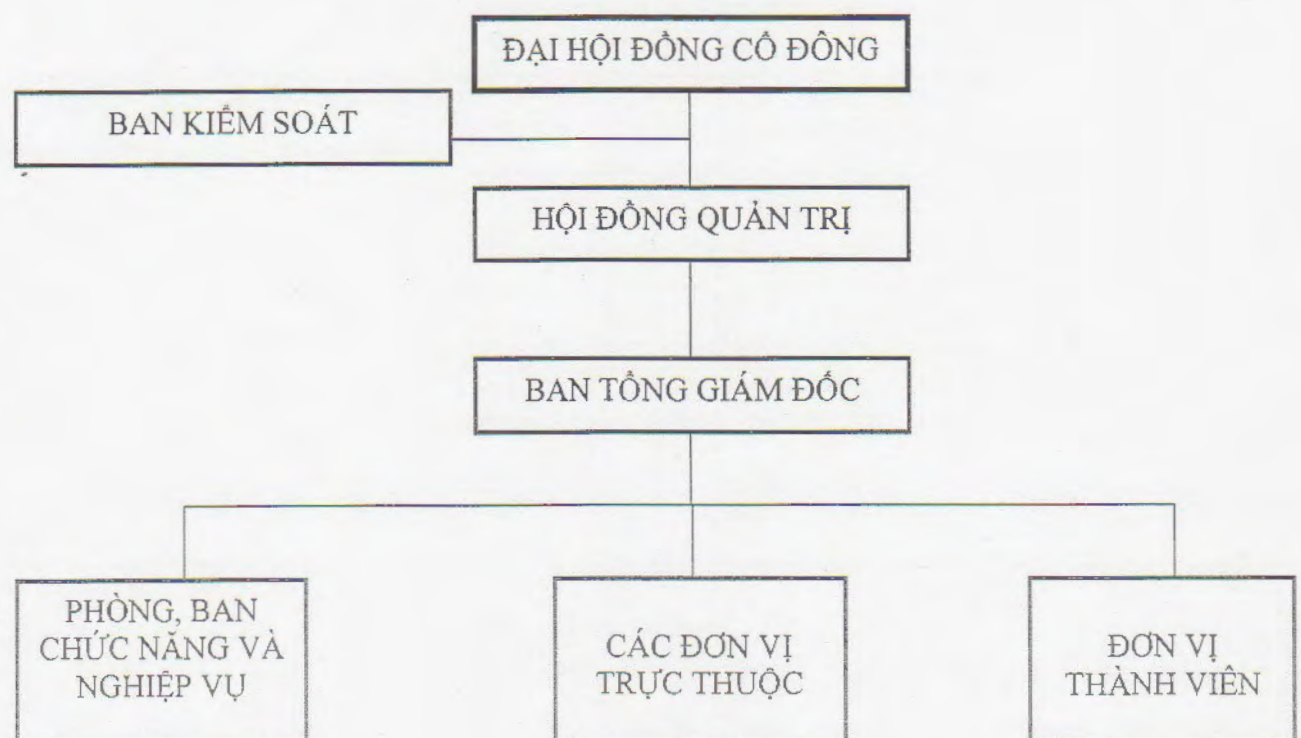
- Huân chương lao động hạng nhất cho đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2007-2011 góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam.

- Tổ chức Đảng trong sạch và vững mạnh 2011.

- Công Đoàn cơ sở xuất sắc năm 2011.

III/ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



2.1 Cơ cấu tổ chức

2.1.1 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

2.1.2 Ban kiểm soát

- | | |
|-----------------------|----------------------|
| - Ông Nguyễn Quốc Hòa | Trưởng Ban kiểm soát |
| - Ông Phạm Tuấn Anh | UV Ban kiểm soát |
| - Bà Võ thị Hải An | UV Ban kiểm soát |

2.1.3 Hội đồng quản trị

- | | |
|-----------------------|--|
| - Ông Trần Việt Thắng | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Trần Tuấn Anh | Ủy viên HĐQT, Tổng Giám Đốc |
| - Ông Vũ Quý Hà | Ủy viên HĐQT, Tổng Giám Đốc VINACONEX |
| - Ông Phan Vũ Anh | Ủy viên HĐQT, GD Ban Pháp chế & ĐN VINACONEX |
| - Ông Vương Xuân Bền | Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ |

2.1.4 Ban Tổng Giám Đốc

- | | |
|------------------------|-------------------|
| - Ông Trần Tuấn Anh | Tổng Giám Đốc |
| - Ông Hồ Công Tâm | Phó Tổng giám đốc |
| - Ông Đỗ Mạnh Hùng | Phó Tổng giám đốc |
| - Ông Vương Xuân Bền | Phó Tổng giám đốc |
| - Ông Nguyễn Học Trình | Phó Tổng giám đốc |
| - Ông Nguyễn Sỹ Thiêm | Phó Tổng giám đốc |

2.2 Các phòng ban chức năng và các đơn vị trực thuộc gồm:

- 07 phòng nghiệp vụ và 01 Ban chức năng gồm:

- + Văn phòng
- + Phòng Phát triển Nhân lực
- + Phòng kế toán
- + Phòng Quản lý dự án
- + Phòng Kế hoạch tổng hợp
- + Phòng Đầu tư
- + Phòng Cơ giới vật tư
- + Ban quản lý nhà và chung cư.

- 05 đơn vị trực thuộc:

- + Trường Mầm Non VIMECO
- + Xưởng Cơ khí sửa chữa Ngọc Hồi
- + Trạm trộn bê tông Tây Mỗ
- + Trạm sản xuất vật liệu xây dựng VIMECO – Hà Nam
- + Mỏ đá Phú Mãn.

- 02 Ban Quản lý Dự án gồm:

- + BQL Dự án Trung Hòa II
- + Ban quản lý Dự án Cao Xanh – Hà Khánh.

- 01 Ban điều hành dự án khu đô thị mới Bắc An Khánh:

- + Ban điều hành thi công gói thầu hạ tầng kỹ thuật (CIVIL).

- 06 Ban chỉ huy Công trường trên phạm vi cả nước.

2.3 Công ty con :

Công ty cổ phần VIMECO Cơ khí và Thương mại.

Địa chỉ : Khu công nghiệp Cầu Bươu – Thanh Liệt – Thanh Trì – Hà Nội.

Tel : (84) 36886130

Fax : (84) 36883812

Công ty cổ phần VIMECO cơ khí và Thương mại được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng đăng ký kinh doanh số 0103022275 ngày **01/02/2008** do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà nội cấp và thay đổi lần thứ nhất tháng **3/2010**.

Vốn điều lệ **20.000.000.000** đồng. Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ **76,85%** và tỷ lệ góp vốn theo đăng ký kinh doanh của Công ty con là **76,85%**.

Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính :

- Tư vấn đầu tư xây dựng : lập, quản lý các dự án đầu tư xây dựng ; khảo sát xây dựng ; giám sát thi công xây lắp, kiểm định chất lượng công trình ; thí nghiệm. Tư vấn đấu thầu ; tư vấn chuyển giao thiết bị công nghệ mới ; thiết bị tự động hóa ;

- Hoạt động kinh doanh bất động sản : Kinh doanh bất động sản và dịch vụ bất động sản ; cho thuê văn phòng, khách sạn, nhà chung cư. Quản lý, duy tu và khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật, khu đô thị, chung cư,

- Thi công xây lắp ; san nền, xử lý nền đất yếu, thi công hạ tầng kỹ thuật các khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước, xử lý nước và nước thải, đường dây và trạm điện có cấp điện áp tới 220KV ; thi công các hệ thống phòng cháy và chữa cháy ; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ các cấp, sân bay, cảng, bến cảng, cầu), bưu điện, các công trình đê kè, đập thủy lợi, thủy điện ;

- Khai thác sản xuất, chế biến và kinh doanh vật liệu xây dựng : cát, đá, sỏi gạch, ngói xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường và các vật liệu xây dựng khác dùng trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất ; Kết cấu bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm, vật tư, máy móc thiết bị, dây truyền công nghệ, phương tiện vận tải ;

- Gia công, lắp đặt, bảo dưỡng lắp đặt, sửa chữa, cho thuê các dây truyền thiết bị công nghệ, kết cấu thép phục vụ cho các công trình dân dụng, công nghiệp, đường dây và trạm ;

- Kinh doanh xuất khẩu nhập khẩu : Vật liệu xây dựng các loại, vật tư máy móc, thiết bị, dây truyền công nghệ, phương tiện vận tải ;

- Kinh doanh dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa ;

- Kinh doanh giáo dục đào tạo công nhân các nghề cơ khí, sửa chữa thiết bị, xây dựng, điện dân dụng, điện công nghiệp, thiết bị điều hòa thông gió, thang máy ; hệ thống điện nhẹ ; đào tạo ngoại ngữ ; giáo dục mầm non (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Tóm tắt lý lịch trích ngang của các cá nhân giữ chức vụ quản lý chủ chốt

STT	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Chức vụ	Đang viên
		Nam				
1	Trần Việt Thắng	28/09/1958	B13 lô E9 đường Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Kỹ sư thủy lợi	Chủ tịch Hội đồng quản trị	X
2	Trần Tuấn Anh	17/05/1973	37, ngõ 629, ngách 12, Kim Mã, Hà Nội	Thạc sỹ Máy xây dựng	UV HĐQT Tổng Giám đốc	X
3	Phạm Văn Vũ	14/5/1977	Chung cư vimeco, lô E9, Phạm hùng Trung hòa, Cầu giấy, Hà nội	Cử nhân kinh tế	Trưởng phòng Kế toán	X
4	Nguyễn Quốc Hòa	17/02/1972	Số 72, tổ 18, phường Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Thạc sỹ QTKD	Trưởng Ban Kiểm Soát	X

2.4 Lực lượng cán bộ công nhân viên:

Tổng số nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 là **893** người (31/12/2010 là **978** người).

III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ :

PHẦN I

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2011 MÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÃ THÔNG QUA

I. THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH: (chi tiết tại phụ lục 1, 1A).

Trong bối cảnh chung toàn Ngành, kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thông qua đầu năm 2011 không còn khả thi.

Ngày 11/11/2011, Đại hội đồng Cổ đông bất thường Công ty cổ phần VIMECO đã chấp thuận điều chỉnh các chỉ tiêu tài chính như đề xuất của Ban điều hành (cột 6).

TT	Nội dung	Đơn vị	Thực hiện 2010	Năm 2011			Tỷ lệ %
				Kế hoạch đầu năm	KH điều chỉnh	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8 = (7/6)
1	Giá trị sản lượng	Tỉ đồng	1.209,22	1.100,0	970,0	991,9	102,2
2	Doanh thu	Tỉ đồng	1.180,90	950,0	950,0	979,0	103,0
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỉ đồng	51,39	45,0	31,0	31,0	100,1
4	Khấu hao	Tỉ đồng	55,23	58,0	48,0	46,2	96,3
5	Nộp Ngân sách	Tỉ đồng	41,35	42,0	30,0	28,8	96,2
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng.th	5,48	5,8	5,8	5,2	89,6
7	Cổ tức	%	15	15	15	18	120
8	Vốn Điều lệ	Tỉ đồng	65,0	65,0	65,0	65,0	100
9	Tỷ trọng tiền lương/DT	%		13,13	13,13	10,89	82,93
10	Vốn chủ sở hữu	Tỉ đồng	189,75			191,64	
11	Giá trị CP/sổ sách	Đồng/CP	29.193			29.484	

(Căn cứ số liệu được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán tại báo cáo số: 1013/Deloitte-AUDHN-RE ngày 07/03/2012).

1.1 *Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2011 Công ty mẹ: là 212,854 tỉ đồng.*

<u>Trong đó :</u>	- Vốn Điều lệ	: 65.000.000.000 đồng
	- Thặng dư vốn cổ phần	: 30.000.000.000 đồng
	- Quỹ đầu tư phát triển	: 76.552.397.179 đồng
	- Quỹ dự phòng tài chính	: 17.927.217.125 đồng
	- Lợi nhuận sau thuế	: 23.374.974.746 đồng
	chưa phân phối	

1.2 Phương án phân phối lợi nhuận hợp nhất năm 2011:

- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ trên báo cáo hợp nhất: **22.944.149.508 đồng.**

Bằng chữ : Hai hai tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm bốn chín nghìn, năm trăm linh tám đồng.

Đơn vị tính: đồng

TT	Trích lập các quỹ	Năm 2011	Ghi chú
1.	Chia cổ tức	11.700.000.000	Tỷ lệ cổ tức 18%
2.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.506.000.000	
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.738.149.508	
	Tổng cộng	22.944.149.508	

(Số liệu trên được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán tại báo cáo số:1012/Deloitte-AÚDHN-RE ngày 07/03/2012).

1.3 *Vốn chủ sở hữu sau khi thực hiện phân phối lợi nhuận : 191,648 tỉ đồng tăng 1,898 tỉ đồng (tăng 1,0%) so với năm 2010 (189,750 tỉ đồng).*

(Theo Qui định mới của Nhà nước, từ năm 2010, Vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính sẽ không bao gồm Cổ tức trả Cổ đông, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi và Quỹ thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành).

II. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

2.1 Xây lắp:

- Giá trị sản lượng: **560/543** tỷ đồng (đạt **103%**), doanh thu: **563** tỷ đồng (đạt **90,3%** so với kế hoạch).

- Năm 2011, Công ty triển khai được 03 công trình mới: Thủy điện Đak'Đring, Dự án 609 Trương Định, Tòa nhà văn phòng số 2 Tôn Thất Tùng.

2.2 Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng

- Sản xuất, cung cấp đá xây dựng và bê tông thương phẩm, doanh thu đạt **368** tỷ đồng (Tăng **26,9 %** so với kế hoạch).

2.3 Sản xuất và kinh doanh dịch vụ khác

- Doanh thu từ dịch vụ chung cư và cho thuê văn phòng, trường mầm non vimeco, doanh thu khác đạt **47,64** tỉ đồng

2.4 Đầu tư và thanh lý thiết bị (chi tiết tại Phụ lục 3):

- Thanh lý đạt 14,2 tỷ đồng (vượt 13,6% kế hoạch).
- Đầu tư mua mới thiết bị 2,183 tỷ đồng (đạt 1,57% kế hoạch).

Do các dự án xây lắp đều giãn tiến độ, nhiều công trình phải dừng thi công. Công ty chủ trương tạm dừng đầu tư đổi mới thiết bị, tập trung thanh lý thiết bị cũ, kém hiệu quả để tăng dòng tiền quay vòng vốn kinh doanh.

Đơn vị tính: Đồng

TT	Năm	Thanh lý		Đầu tư	
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
1	2009	9.702.500.000	10.027.200.000	92.290.000.000	30.744.781.400
2	2010	16.248.500.000	8.505.802.300	137.640.000.000	68.089.929.359
3	2011	12.576.000.000	14.287.780.000	138.755.875.300	2.183.259.500
4	2012	14.460.000.000		40.500.000.000	
	Tổng		32.820.782.300		101.017.970.259

2.5 Góp vốn đầu tư vào các Công ty cổ phần khác:

Góp vốn đầu tư của VIMECO tại các Công ty con, Công ty liên kết tính đến thời điểm 31/12/2011: 31,818 tỉ đồng.

Đơn vị tính : triệu đồng

Tên Công ty	Tổng số vốn góp đã cam kết	Tổng số vốn góp đến 31/12/2011	Ghi chú
I/ Đã góp đủ vốn			
1. Công ty cổ phần VIMECO Cơ khí và Thương mại	15.369	15.369	Đã góp đủ vốn
2. Công ty cổ phần VIPACO	5.312,5	5.312,5	Đã góp đủ vốn
3. Công ty cổ phần phát triển Nhân lực và Thương mại VINACONEX	1.300	1.300	Đã góp đủ vốn
II/ Không tiếp tục góp vốn			
4. Công ty cổ phần điện B. Miền Trung	3.010	690	Dừng góp vốn
5. Công ty CP khai thác đá Yên Bình	2.500	700	Dừng góp vốn
6. Công ty cổ phần đá trắng Yên Bình	3.000	60	Dừng góp vốn
7. Công ty cổ phần NEDI2	11.400	8.387	Dừng góp vốn
Tổng cộng	41.891,5	31.818,5	

- Công ty cổ phần phát triển nhân lực và thương mại VINACONEX và Công ty Cổ phần VIPACO đã hoạt động hiệu quả và có cổ tức.

- Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Điện Miền Bắc 2 (NEDI2) đang trong giai đoạn đầu tư chưa trả cổ tức.

- Công ty cổ phần VIMECO cơ khí và thương mại là Công ty con của Công ty cổ phần VIMECO năm 2011 vẫn lỗ lũy kế hơn 3,08 tỷ đồng nên không trả cổ tức.

- Công ty chủ trương giảm vốn góp và dùng góp vốn vào các Công ty mà chiến lược kinh doanh chưa thật rõ ràng cũng như hoạt động không hiệu quả.

2.6 Công tác Tài chính:

Giá cả vật tư nguyên vật liệu đầu vào, lãi suất Ngân hàng không ngừng tăng. Chủ đầu tư khó khăn về nguồn vốn thanh toán, Vốn Điều lệ, Vốn Chủ sở hữu chưa tương xứng với nhu cầu phát triển của Công ty. Dẫn tới chi phí tài chính cao làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công tác thu hồi vốn năm 2011 đạt 859/950 tỷ đồng (90,4% kế hoạch).

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh khó khăn chung cả nền kinh tế, Hội đồng quản trị cho rằng, đây là nỗ lực rất lớn của Ban điều hành, của cán bộ phụ trách thanh quyết toán, thu hồi công nợ Công ty.

2.7 Đầu tư kinh doanh bất động sản :

2.7.1 Dự án Công trình hỗn hợp Nhà ở, văn phòng và dịch vụ thương mại - CT4

Năm 2011, Chính phủ lấy trọng tâm kiềm chế lạm phát, siết chặt tín dụng (đặc biệt là các khoản cho vay bất động sản, chứng khoán). Bất động sản đóng băng, thanh khoản thấp.

Ngày 05/12/2011, Phó Chủ tịch UBND Thành phố Hà nội Nguyễn văn Khôi đã kí cấp Giấy chứng nhận đầu tư số: 01121001052.

- Tổng diện tích đất xây dựng: 5.672 m².

- Diện tích xây dựng: 2.269 m² (mật độ xây dựng 40%).

- Tổng số tầng: 39 tầng. Với 342 căn hộ (290 căn hộ thường có diện tích từ 112,9 m² đến 209,7 m². Và 52 căn hộ Penthouse có diện tích từ 253,6 đến 463,2 m²).

(Chưa kể 02 tầng kĩ thuật và 04 tầng hầm. Từ tầng 36 đến tầng 39: chiều cao tầng Penthouse được hiểu là 7,2 m. Các căn hộ điển hình có chiều cao tầng: 3,45 m).

- Tổng chiều cao công trình: 169,65 m.

Công ty chủ trương sẽ lựa chọn thời điểm thích hợp triển khai khoan cọc đại trà.

Công ty đang hoàn chỉnh thiết kế và tìm nguồn vốn để triển khai Dự án trong năm nay.

Dự án được thiết kế với tiêu chuẩn an toàn cao nhất theo Tiêu chuẩn Việt nam và Khu vực. Khả năng cách li và tự chữa cháy trong từng căn hộ, từng tầng. sân bay cứu hộ tầng thượng. Dự án hướng tới nhóm khách hàng có thu nhập và yêu cầu đáp ứng dịch vụ cao.

2.7.2 Dự án Khu đô thị Cao Xanh – Hà khánh

Dự án triển khai từ năm 2004 với tổng diện tích 64,8 ha. Do vướng mắc giải phóng mặt bằng làm mất cơ hội đầu tư. 131/272 khách hàng đã thanh lý hợp đồng. Dự án đã dừng thực hiện đầu tư.

2.7.3 Dự án nâng công suất khai thác đá ở mỏ đá Phú Mãn :

Công ty đề xuất và đã được UBND xã Phú Mãn và UBND huyện Quốc Oai chấp thuận chủ trương cho nâng công suất khai thác chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường từ **200.000m³ lên 400.000m³** đá nguyên khối/năm.

III. CÔNG TÁC QUẢN TRI - CHỈ ĐẠO

3.1 Quản trị Doanh nghiệp

- Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc các Quy định pháp luật, Điều lệ Công ty. Các cuộc họp bất thường và định kỳ đều mời Ban kiểm soát tham dự nhằm giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh đảm bảo cho Ban điều hành hoạt động hiệu quả, đúng pháp luật.

- Hội đồng quản trị đã thể hiện được vai trò của mình trong định hướng phát triển, trong các Quyết định đầu tư lớn, dài hạn về: phát triển nguồn nhân lực, đổi mới thiết bị nâng cao năng lực cạnh tranh, định hướng đầu tư bất động sản, củng cố, nâng cao hình ảnh, thương hiệu Công ty.

- Tiếp tục áp dụng quản trị tài chính, quản trị doanh nghiệp tiên tiến trong điều hành Doanh nghiệp: kiểm soát chặt chi phí đầu vào, giảm tiêu hao vật tư, nhiên liệu, sử dụng vốn linh hoạt, áp dụng bài toán khấu hao thanh lí đổi mới thiết bị, tập trung nguồn lực vào những lĩnh vực là thế mạnh cốt lõi,....

3.2 Công tác chỉ đạo thực thực hiện

- Tổ chức thành công Đại hội Cổ đông thường niên năm 2011 thông qua các kế hoạch và định hướng hoạt động của năm 2011.

- Ngày **30/12/2011**, Hội đồng quản trị đã kí Quyết định số : **870 QĐ/VIMECO - HĐQT** về việc áp dụng Slogan mới từ ngày **01/01/2012**: "**Tất cả vì bạn – All for you**".

- Trong năm 2011, Công ty tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo, định hướng đào tạo cũng như có Quy chế hỗ trợ kinh phí cho CBCNV có năng lực, có nhu cầu học tập nâng cao nghiệp vụ, kinh phí chi cho công tác đào tạo là **537,7 triệu đồng**. (Chi tiết phụ lục 5)

- Tổ chức đào tạo và thi nâng bậc cho **133** công nhân kỹ thuật, chuyển ngạch lương cho **87** cán bộ nhân viên của Công ty.

- Trường mầm non VIMECO bắt đầu hoạt động từ tháng **9/2009**. Đến nay, Trường đã có gần **300** cháu theo học. Trường luôn được Phòng giáo dục Quận Cầu giấy đánh giá cao, các bậc phụ huynh trong và ngoài khu vực tin tưởng. Năm **2011** doanh thu của Trường đạt **6,6** tỉ đồng.

- Công ty cổ phần VIMECO M&T với vốn điều lệ là **20** Tỉ (VIMECO sở hữu **76,85 %** vốn Điều lệ). Năm 2010, điều hành không hiệu quả, để lỗ hơn **3** tỉ **Đồng**.

Năm 2011, Hội đồng quản trị Công ty VIMECO quyết định thay đổi nhân sự quản lí vốn, kiện toàn bộ máy tổ chức điều hành. Bầu bổ sung Hội đồng quản trị, bổ nhiệm Giám đốc mới. Tình hình sản xuất kinh doanh dần ổn định, năm 2011 đã có lãi **214** triệu.

- Hệ thống giám sát an toàn lao động trên các công trường được quan tâm, lực lượng an toàn viên được lựa chọn là những Đồng chí có tinh thần trách nhiệm, tính kỉ luật cao,

CBCNV mới tuyển dụng được cấp chứng chỉ sau đợt tập huấn về an toàn lao động. Trang bị bảo hộ lao động phù hợp với tính chất công việc.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty.
- Công ty duy trì tốt chế độ trả lương tháng 2 kì, thực hiện thanh toán đúng, đủ và kịp thời đến từng người lao động.

IV. ĐỊNH HƯỚNG LỚN:

- Chú trọng tích lũy nâng cao Vốn Chủ sở hữu cho tương xứng với nhu cầu phát triển. Hạ dần tỉ lệ Vốn vay trên Vốn chủ sở hữu.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đây sẽ là lợi thế cạnh tranh bền vững nhất cho Doanh nghiệp.

- Khi điều kiện cho phép, cần tiếp tục và khẩn trương thực hiện chiến lược đổi mới nâng cao năng lực xe máy thiết bị. Thanh lí thiết bị cũ, kém hiệu quả bằng công nghệ mới theo định hướng đã được Hội đồng quản trị thông qua tháng 6/2009.

V. TỒN TẠI, KHÓ KHĂN:

- Vốn Điều lệ, Vốn Chủ sở hữu chưa tương xứng với nhu cầu phát triển cũng như đảm bảo an toàn tài chính Doanh nghiệp.

- Chưa quyết liệt trong chỉ đạo xây dựng lại phương án Chi trả thu nhập cho người lao động, trong triển khai các Khóa đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, quản lý điều hành.

- Chưa giải trình, thuyết phục được các cổ Đông lớn về nhu cầu cấp bách cần tăng vốn (hai lần tăng vốn không thành công). Điều này đã gây khó khăn cho Ban điều hành trong triển khai những nhiệm vụ được giao.

- Chi phí hoạt động tài chính và chi phí quản lý cao **58,8** tỉ (tăng **83,1%**) so với **32,1** tỉ đồng năm 2010. Làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2012

Định hướng: **bảo toàn vốn, đảm thu nhập ổn định cho người lao động.**

Kế hoạch năm 2012, căn cứ trên khả năng thực tế cũng như các yếu tố rủi ro, biến động của thị trường.

I. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH : (chi tiết xem tại phụ lục 1,2,4).

Đơn vị tính: triệu đồng

Các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Tỷ lệ %
1	2	3	4 = 3/2
1. Giá trị tổng sản lượng	991.934	950.000	95,77
2. Doanh thu	979.083	900.000	91,92

3. Lợi nhuận trước thuế	31.045	31.000	100,00
4. Khấu hao	46.236	50.000	108,14
5. Nộp Ngân sách NN	28.881	40.000	134,50
6. Cổ tức	18%	20%	111,11
7. Tỷ trọng tiền lương/DT	10,89	13,13	120,50

Trong đó :

- **Thi công xây lắp:** Giá trị sản lượng xây lắp dự kiến là 620 tỉ đồng, doanh thu đạt 573 tỉ đồng.

- **Sản xuất vật liệu xây dựng:** kế hoạch dự kiến sản xuất 330.000 m³ bê tông và 570.000 m³ đá các loại.

- **Sản xuất kinh doanh khác:** Doanh thu từ dịch vụ chung cư, thuê văn phòng, trường mầm non vimeco, doanh thu khác dự kiến 40 tỉ đồng

II. ĐẦU TƯ NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT (chi tiết tại Phụ lục 3):

Tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị (theo sát nhu cầu sản xuất): khoảng 40,5 tỉ đồng.

Đẩy mạnh công tác thanh lý xe máy thiết bị bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

III. DỰ ÁN , ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

3.1 Công trình hỗn hợp nhà ở, văn phòng và dịch vụ thương mại (CT4) :

Giá trị thực hiện đầu tư dự kiến 350 tỉ đồng, sẽ tiến hành thi công phân ngầm trong năm 2012.

3.2 Dự án đô thị Cao Xanh - Hà Khánh D :

Tiếp tục tìm kiếm các đối tác sang nhượng dự án để sớm thu hồi vốn đầu tư.

3.3 Một số dự án khai thác khoáng sản :

Nhu cầu của thị trường về đá xây dựng ngày càng tăng, nguồn cung giảm do đây là nguồn tài nguyên không tái tạo. Nhà nước tăng cường công tác quản lý khai thác và sử dụng tài nguyên. Để chủ động nguồn nguyên liệu, Hội đồng quản trị chủ trương đầu tư vào các Dự án khai thác khoáng sản như :

- Hoàn thành việc xin cấp phép nâng công suất mỏ đá Phú mãn.
- Nghiên cứu đầu tư một số Mỏ mới (nếu điều kiện cho phép).

IV. NHU CẦU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ:

Ngày 11/11/2011, do thị trường bất động sản đóng băng, Chứng khoán suy giảm, Cổ đông khó khăn về vốn, Đại hội Cổ đông bất thường Công ty quyết định chưa thông qua chủ trương tăng vốn Điều lệ của Công ty.

Nhu cầu đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị, nguồn vốn triển khai Dự án bất động sản, Hệ số Vốn chủ trên Tổng tài sản cũng như Vốn Chủ trên vốn vay quá nhỏ, đòi hỏi Công ty phải cơ cấu lại tỉ lệ nguồn vốn.

Nhu cầu tăng Vốn Chủ sở hữu là cấp thiết.

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

5.1 Định hướng dài hạn:

- Kinh doanh Bất động sản: định hướng vào Nhóm khách hàng có khả năng chi trả cao, kèm với đó là yêu cầu chất lượng (kĩ thuật, thẩm mĩ, môi trường sống), an toàn và dịch vụ sau bán hàng cao tương xứng.

- Quản lí Dự án: hướng tới trở thành nhà thầu quản lí chuyên nghiệp các Dự án có yêu cầu cao về kĩ thuật, chất lượng và tiến độ với giá cả hợp lí.

- Xây lắp: là nhà thầu chuyên nghiệp trong lĩnh vực thi công hạ tầng khu đô thị, giao thông, thủy điện - thủy lợi.

- Sản xuất, cung ứng vật liệu xây dựng: tiếp tục giữ vững và phát triển lĩnh vực bê tông thương phẩm, sản xuất đá xây dựng.

5.2 Nhiệm vụ trong năm 2012

- Lấy mục tiêu trọng tâm: bảo toàn vốn, tăng cường công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

5.3 Giải pháp thực hiện:

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, thông qua đào tạo để lựa chọn bồi dưỡng lớp cán bộ kế cận phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn.

- Tiếp tục đổi mới công tác chi trả lương, thường đảm bảo khuyến khích được người có năng lực, có tinh thần trách nhiệm, tính kỉ luật cao vì sự phát triển chung toàn Công ty.

- Tiếp tục thanh lí, đổi mới thiết bị, công nghệ nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực thi công hạ tầng và sản xuất vật liệu xây dựng.

- Đầu tư thiết bị cùng chủng loại, cùng Hãng sản xuất để thuận lợi trong quản lí, vận hành, giảm chi phí sửa chữa, dự phòng vật tư,....

- Tiếp tục đầu tư mở đá mới đảm bảo nguồn cung cấp, nâng công suất khai thác với mỏ hiện có. Làm chủ nguồn vật liệu đầu vào cho lĩnh vực sản xuất, cung ứng bê tông thương phẩm, thi công hạ tầng.

- Cơ cấu lại danh mục thiết bị khai thác: không đầu tư, tiến tới loại bỏ thiết bị vận chuyển vật liệu rời (xe tải ben).

5.4 Quản trị rủi ro cần quan tâm

- Thị trường bất động sản còn khó khăn, Công ty cần đưa ra nhiều chính sách khuyến khích tiêu thụ sản phẩm: căn hộ lớn được ưu tiên có 02 chỗ để ô tô, căn hộ diện tích lớn có đơn giá thấp hơn, mua nhiều căn hộ được giảm giá lũy tiến, khách hàng được phép tham gia góp ý nội thất căn hộ của mình, được phép thay đổi vật liệu hoàn thiện, tặng giai đoạn góp vốn, ...

- Cần lưu ý tới nhóm khách hàng có khả năng tài chính, có nhu cầu được đáp ứng chất lượng sống tốt hơn.

- Kiên định với lĩnh vực kinh doanh đã lựa chọn, cũng như thị trường và nhóm khách hàng mục tiêu. Trên cơ sở đó xây dựng chiến lược và có kế hoạch đào tạo, tuyển dụng, lựa chọn cán bộ phù hợp với chiến lược đã lựa chọn.

- Chú trọng dòng tiền, quay nhanh vòng vốn. Cương quyết không nhận thi công các Dự án không có nguồn vốn rõ ràng, Chủ đầu tư không thực hiện đúng cam kết tạm ứng, thanh quyết toán.

VI. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

6.1 Chỉ tiêu tài chính cơ bản

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
1	Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn				
	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	80,51	80,16	84,17
	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	19,49	19,84	15,83
	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn (%)	%	82,89	80,24	79,69
	Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn (%)	%	17,11	18,11	18,28
2	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số LN sau thuế/ DT thuần	%	3,28	3,35	2,39
	Hệ số LN sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	22,12	20,83	12,20
	Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	3,79	3,77	2,23
	Hệ số LN thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ DT thuần	%	3,74	3,84	1,75
	EBIT	Đồng	50.312.890.800	83.567.237.667	89.854.182.351
	EBITDA	Đồng	100.612.696.114	138.795.475.861	136.090.647.259
	EBITDA/Doanh thu thuần	%	8,53	11,75	13,90
3	Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần				
	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	Đồng	5.953	6.081	3.530
	Giá trị sổ sách của cổ phiếu	Đồng	25.914	29.193	29.484
	Số lượng cổ phiếu lưu hành	Cổ phiếu	6.500.000	6.500.000	6.500.000

Ghi chú:

EBIT: Lợi nhuận trước thuế và lãi vay

EBITDA: Lợi nhuận trước thuế lãi vay và khấu hao

EBITDA phản ánh tổng giá trị gia tăng mang lại từ hoạt động SXKD

6.2 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011 công ty mẹ:

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	% thay đổi
1	2		4	5=4/3
1	Tổng giá trị tài sản	1.047.635.741.750	1.048.263.792.641	100,06
2	Doanh thu thuần	1.180.899.175.822	979.083.475.227	82,91
3	Lợi nhuận trước thuế	51.390.135.761	31.045.299.662	60,41
4	Lợi nhuận sau thuế	39.525.621.759	23.374.974.746	59,14
5	Giá trị cổ phiếu trên sổ sách	29.193	29.484	101,00
6	Chi cổ tức bằng tiền mặt (%)	15%	18%	120%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.953	3.530	59,30

6.3 Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:

TT	Tên cổ đông	Số CP nắm giữ	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	2	3	4	5=3/4*100
1	Tổng Công ty VINACONEX	3.340.900	33.409.000.000	51,4
2	Các cổ đông thể nhân khác	3.159.100	31.591.000.000	48,6

6.4 Tổng số cổ phiếu theo từng loại :

TT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011
1	2	3	4
1	Cổ phiếu đăng ký phát hành.	6.500.000 CP	6.500.000 CP
2	Cổ phiếu phổ thông, trong đó gồm : - Cổ phiếu tự do chuyển nhượng:	6.500.000 CP 6.500.000 CP	6.500.000 CP 6.500.000 CP

VII. KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011:

Công ty kí Hợp đồng với Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Tầng 12A, Tòa nhà VINACONEX, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Tel: + 84-4 6288 3568 . Fax: + 84-4 6288 5678

Website : www.deloitte.com/vn.

Ý kiến của Đơn vị kiểm toán đối với báo cáo tài chính riêng và báo cáo hợp nhất năm 2011 của Công ty như sau :

7.1 Báo cáo kiểm toán về tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần VIMECO năm 2011:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

7.2 Ý kiến của Ban kiểm soát:

7.2.1 Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2011:

Về cơ bản, Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011 của Công ty, các chỉ tiêu kinh doanh chính đều đạt so với kế hoạch điều chỉnh năm 2011 đã được các Cổ đông thông qua.

7.2.2 Thẩm định Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011:

Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt nam và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

Theo đánh giá của Ban kiểm soát thì Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2011 của Công ty cổ phần VIMECO đã phản ánh trung thực, hợp lý các chỉ tiêu tài chính quan trọng của Công ty tại thời điểm 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan.

7.2.3 Kiến nghị của Ban kiểm soát

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 theo tinh thần chỉ thị của Tổng công ty cổ phần VINACONEX tại văn bản số 000083VC/TCKH ngày 12/01/2012 và 000215/2012/CV-TCKH ngày 03/02/2012. Cụ thể:

Căn cứ vào định hướng, giải pháp điều hành của Chính phủ, nguồn công việc và năng lực thực tế của đơn vị..., duy trì mục tiêu chung của Tổng Công ty trong năm 2012 tiếp tục ưu tiên bảo toàn vốn, ổn định sản xuất và đời sống cho người lao động.

Trong điều kiện chính sách tiền tệ tiếp tục thắt chặt đối với hoạt động phi sản xuất dự kiến trong năm 2012, công tác dự báo thị trường và lập kế hoạch dòng tiền của mỗi đơn vị hết sức quan trọng, ảnh hưởng có tính quyết định đến khả năng tiếp tục hoạt động lâu dài và phát triển. Công tác lập kế hoạch dòng tiền ngắn hạn và dài hạn cần thường xuyên điều chỉnh cập nhật theo dõi diễn biến thực tế, đảm bảo dòng tiền thực thu, thực chi phải bám sát kế hoạch.

Xây dựng kế hoạch giá thành, rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật, xác định biện pháp, mức tiết giảm chi phí để đạt được mục tiêu tiết giảm tối thiểu 5% chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

- Đầu tư bất động sản:

Cần lựa chọn và tìm kiếm cơ hội đầu tư bất động sản theo diễn biến tình hình thị trường bất động sản hiện nay. Đối với những dự án chuẩn bị đầu tư, Công ty nên thuê tư vấn lập dự án đầu tư, phân tích đánh giá hiệu quả dự án trước khi ra quyết định đầu tư.

Ban kiểm soát cho rằng cần thận trọng với phân khúc văn phòng cho thuê, xác định thị trường mục tiêu và phân khúc thị trường chung cư để sớm xây dựng phương án đầu tư, kinh doanh dự án tòa nhà CT4 trong bối cảnh thị trường bất động sản đi xuống như hiện nay. Chúng tôi cho rằng với thương hiệu nhà chung cư của Tổng Công ty cổ phần VINACONEX và VIMECO, nếu có vốn triển khai thì với mức giá bán vừa phải và đảm bảo tiến độ giao nhà, dự án CT4 vẫn có tính khả thi. Ban lãnh đạo cần tính toán kỹ và đưa ra phương án cụ thể để có quyết định kịp thời, tận dụng được thời điểm thị trường phục hồi, đưa sản phẩm ra thị trường. Ban kiểm soát cho rằng tỷ trọng vốn tự thu xếp của Chủ đầu tư trong dự án cần nâng cao hơn 30% vì đó sẽ là tín hiệu thể hiện năng lực của Chủ đầu tư và tạo niềm tin cho khách hàng. Đây là vấn đề cần thay đổi tư duy trong huy động vốn (nặng về tranh thủ vốn của người mua) nếu muốn tiêu thụ được sản phẩm bất động sản trong thời gian tới. Công ty cần nghiên cứu: giảm tỷ lệ diện tích văn phòng và thương mại so với thiết kế dự án ban đầu.

Bên cạnh đó Công ty cần tích cực triển khai việc cho thuê các diện tích văn phòng còn lại tại nhà CT1, CT3 để khai thác hết hiệu quả từ phần diện tích sẵn có.

- Đầu tư thiết bị:

Công ty nên nghiên cứu và lựa chọn thời điểm thích hợp để tiếp tục đầu tư trang thiết bị thi công hạ tầng, thi công các dự án bất động sản cao tầng để nâng cao năng lực cạnh tranh, vì trong điều kiện cạnh tranh gay gắt hiện nay phải thể hiện năng lực, công nghệ vượt trội để tìm kiếm các hợp đồng thi công mới.

- Công tác tài chính – Kế toán:

Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản công nợ của khách hàng, phân loại nợ và có giải pháp thích hợp nhằm quyết liệt thu hồi nợ hoặc trích lập dự phòng nhằm đảm bảo an toàn trong kết quả sản xuất kinh doanh. Kiên quyết xử lý và phải đề ra các giải pháp mạnh đối với các khoản nợ có tuổi nợ trên 12 tháng. Nếu cần thiết có thể thuê các đơn vị có chức năng đòi nợ theo quy định của pháp luật, thậm chí có thể khởi kiện ra tòa đối với các Công ty không có thiện chí hợp tác (*kể cả các đơn vị trong nội bộ Tổng công ty có tình chiếm dụng vốn của đơn vị*).

Rà soát, điều chỉnh, cân đối lại việc sử dụng các nguồn vốn, đặc biệt là các khoản vốn vay. Sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn vốn hiện có. Tăng cường kiểm soát và giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất đầu vào, chi phí gián tiếp, chi phí quản lý, để tiết kiệm trong quá trình sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Công ty cần phải xây dựng kế hoạch dòng tiền theo tuần, tháng, quý, năm, các giải pháp thực hiện để đảm bảo đủ dòng tiền cho hoạt động SXKD của Công ty.

VIII. ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012:

8.1 Đơn vị kiểm toán độc lập:

Nhằm tạo điều kiện cho Công ty chủ động lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2012 với các điều kiện hợp lý nhất. Đại hội đồng Cổ đông nhất trí và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2012 của Công ty theo danh sách dưới đây :

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y);

IX. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN

9.1 Cổ đông / thành viên góp vốn trong nước:

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông thành viên góp vốn trong nước.

Cổ đông lớn là Cổ đông đại diện cho số cổ phần chiếm tỉ lệ $\geq 5\%$ tổng cổ phần phát hành tại thời điểm chốt danh sách Cổ đông, có 2 Cổ đông

- **Cổ đông lớn là Tổng Công ty VINACONEX** hiện đang nắm giữ **3.340.900 CP**/ tổng số **6.500.000 CP** hiện tại của Công ty tương đương **51,4%** Vốn điều lệ của VIMECO .

- Trụ sở: Tòa nhà VINACONEX, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà nội.
- Điện thoại: 84-4.62849234 Fax: 84-4.62849208
- Website: www.vinaconex.com.vn



VIMECO

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ THỰC HIỆN NĂM 2011 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2012

Phụ lục 1

Các chỉ tiêu chủ yếu	Đ/v tính	Kế hoạch 2011	Kế hoạch điều chỉnh 2011	Thực hiện năm 2011	Tỷ lệ hoàn thành so với KH	Kế hoạch năm 2012
1	2	3	4	5	6=5/4	7
I-TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	Tr.đồng	1.100.000	970.000	991.933	102,26	950.000
1- GT SX xây lắp	nt	632.000	543.959	559.092	102,8	620.000
2- GT SXCN, vật liệu xây dựng	nt	280.000	328.719	385.265	117,2	290.000
2.1 Bê tông	nt	248.000	290.220	344.800	118,8	270.000
2.2 Đá	nt	32.000	38.499	40.465	105,1	20.000
3- Giá trị SXKD nhà, đô thị và phát triển HT	Tr.đồng	150.000	50.000	0	0,0	0
4- Giá trị SX, KD dịch vụ	Tr.đồng	38.000	47.322	47.576	100,5	40.000
4.1 Trường mầm non	nt	5.000	6.000	6.599	110,0	7.000
4.2 Dịch vụ chung cư	nt	9.000	12.000	13.977	116,5	10.000
4.3 Cho thuê VP	nt	15.000	17.000	17.000	100,0	14.000
4.4 Giá trị khác	nt	9.000	12.322	10.000	81,2	9.000
II-TỔNG DOANH THU	Tr.đồng	950.000	950.000	979.083	103,06	900.000
1- Giá trị sản xuất xây lắp	nt	670.000	623.194	563.211	90,37	573.000
2- GT SXCN, vật liệu xây dựng	nt	240.000	290.111	368.230	126,93	287.000
2.1 Bê tông	nt	215.000	259.216	330.734	127,59	270.000
2.2 Đá	nt	25.000	30.895	37.496	121,37	17.000
3- Giá trị SXKD nhà, đô thị và phát triển HT	nt	0	0	0	0,00	0
4- Giá trị SX, KD dịch vụ khác	nt	40.000	36.695	47.642	129,83	40.000
4.1 Trường mầm non	nt	5.000	6.000	6.599	109,98	7.000
4.2 Dịch vụ chung cư	nt	9.000	9.000	14.043	156,03	10.000
4.3 Cho thuê văn phòng	nt	17.000	13.695	17.000	124,13	14.000
4.4 Giá trị khác	nt	9.000	8.000	10.000	125,00	9.000
III-TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tr.đồng	45.000	31.000	31.045	100,15	31.000
1- Giá trị sản xuất xây lắp	nt	21.000	14.000	12.245	87,46	14.500
2- GT SXCN, vật liệu xây dựng	nt	14.000	10.600	11.900	112,26	10.000
2.1 Bê tông	nt	12.500	9.400	9.200	97,87	8.000
2.2 Đá	nt	1.500	1.200	2.700	225,00	2.000
3- Giá trị SXKD nhà, đô thị và phát triển HT	nt	0	0	700	0,00	0
4- Giá trị SX, KD dịch vụ khác	nt	10.000	6.400	6.200	96,88	6.500
4.1 Trường mầm non	nt	400	300	500	166,67	600
4.2 Dịch vụ chung cư	nt	800	500	300	60,00	400
4.3 Cho thuê văn phòng	nt	8.300	5.300	5.000	94,34	5.000
4.4 Giá trị khác	nt	500	300	400	133,33	500
IV- LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DN	Tr.đồng	33.750	23.250	23.374	100,53	26.250
V- CỔ TỨC	%	15	15	18	120,00	20
VI- KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	Tr.đồng	58.000	48.000	46.236	96,33	50.000
VII- NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	Tr.đồng	42.000	30.000	28.881	96,27	40.000
VIII- ĐẦU TƯ	Tr.đồng					
1- Đầu tư Thiết bị	Tr.đồng	138.700	1.200	2.183	181,92	40.500
IX- THU NHẬP BÌNH QUAN NGƯỜI/THÁNG	1.000đ	5,8	5,8	5,2	89,66	5,5
X- TỶ TRỌNG TIỀN LƯƠNG/DOANH THU	%	13,13	13,13	10,89	82,93	13,13

Ghi chú: Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán số: 1013/Deloitte-AUDHN-RE



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ THỰC HIỆN NĂM 2011 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2012
(SỐ LIỆU HỢP NHẤT)

Phụ lục 1A

Các chỉ tiêu chủ yếu	Đ/v tính	Kế hoạch 2011	Kế hoạch điều chỉnh 2011	Thực hiện năm 2011	Tỷ lệ hoàn thành so với KH	Kế hoạch năm 2012
1	2	3	4	5	6=5/4	7
1.TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	Tr.đồng	1.159.106	1.029.106	1.049.383	101,97	1.076.000
2.TỔNG DOANH THU	Tr.đồng	998.283	998.283	1.003.442	100,52	1.012.450
3.TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tr.đồng	45.000	31.000	30.677	98,96	33.000
4. LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DN	Tr.đồng	33.750	23.250	23.006	98,95	27.750
5. KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	Tr.đồng	60.500	50.500	48.686	96,41	54.500
6. NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	Tr.đồng	46.500	34.500	28.881	83,71	40.000
7. VỐN CHỦ SỞ HỮU	Tr.đồng			191.648		
8. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	Đồng			3.530		

Ghi chú: Báo cáo tài chính hợp đã được kiểm toán nhất số: 1012/Deloitte-AUDHN-RE



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
Tổng giá trị sản xuất kinh doanh dự kiến thực hiện năm 2012

Phụ lục 2

TT	Công trình	Dự kiến kế hoạch sản lượng năm 2012 (đồng)	Dự kiến kế doanh thu năm 2012 (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5
A	Dự án xây lắp	620.000.000.000	573.000.000.000	
I	Các công trình đã thi công xong		65.000.000.000	
1	Thủy điện Cửa Đạt		11.000.000.000	
2	Tổng cục Hải quan		3.600.000.000	
3	Thủy điện Buôn tua sarh		2.000.000.000	
4	Thủy điện Srepeck 3		2.000.000.000	
5	Thủy điện Darktih		2.000.000.000	
6	Bộ công an		5.500.000.000	
7	Bảo tàng Hà nội		10.700.000.000	
8	Làng Hòa lạc		22.700.000.000	
9	Cầu giế		4.000.000.000	
10	Nam trung yên		1.500.000.000	
II	Các công trình đang thi công	318.544.000.000	295.000.000.000	
1	Thủy điện Ngòi Phát	10.000.000.000	27.500.000.000	
2	Thủy điện Đăkđring	3.900.000.000	4.200.000.000	
3	609 trương Định	8.000.000.000	51.000.000.000	
4	Khu ĐTM Bắc An Khánh	232.000.000.000	156.800.000.000	
5	Tòa nhà văn phòng số 2 Tôn thất Tùng	21.000.000.000	19.000.000.000	
6	Xây dựng gói thầu hạ tầng khung (giai đoạn 1) Khu đô thị Lê Trọng Tấn	26.644.000.000	31.000.000.000	
7	Khu đô thị Đà Nẵng	17.000.000.000	5.500.000.000	
III	Các công trình chuẩn bị khởi công	129.000.000.000	115.000.000.000	
1	T2- Nội bài	110.000.000.000	95.000.000.000	
2	Trạm xử lý nước thải Hồ tây	19.000.000.000	20.000.000.000	
IV	Các công trình khác	172.456.000.000	98.000.000.000	
1	Các dự án giao thông và các công trình khác	62.456.000.000	30.000.000.000	
2	Nhà máy bánh kẹo Hà Nội	60.000.000.000	40.000.000.000	
3	Mekong land	40.000.000.000	20.000.000.000	
4	Thăng Long Invest	10.000.000.000	8.000.000.000	
B	Sản xuất Vật liệu xây dựng:	290.000.000.000	287.000.000.000	
1	Sản xuất Bê tông	270.000.000.000	270.000.000.000	
2	Đá xây dựng	20.000.000.000	17.000.000.000	
C	Kinh doanh khác:	40.000.000.000	40.000.000.000	
	Tổng cộng A+B+C	950.000.000.000	900.000.000.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
THỰC HIỆN NĂM 2011
DANH MỤC ĐẦU TƯ THIẾT BỊ NĂM 2012

I THỰC HIỆN NĂM 2011

Phụ lục 3

TT	Tên thiết bị	Đ/v tính	Số lượng	Nguyên giá đầu tư (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Xe tải ben Cửu Long	Chiếc	03	1.252.500.000	
2	Cung cấp và lắp đặt hệ thống tro bay cho trạm trộn Bê tông 100m3/h	Chiếc		930.759.500	
	Tổng cộng			<u>2.183.259.500</u>	

II KẾ HOẠCH NĂM 2012

A	Đầu tư XM thiết bị	Đ/v tính	Số lượng	Nguyên giá đầu tư dự kiến (đồng)	Ghi chú
1	Xe vận chuyển bê tông	Chiếc	03	6.000.000.000	
2	Máy đào xích	Chiếc	01	4.500.000.000	
3	Máy khoan cọc nhồi	Chiếc	01	20.000.000.000	
4	Máy phát điện	Chiếc	02	4.000.000.000	
5	Máy nén khí trục vít	Chiếc	02	1.000.000.000	
6	Ô tô đầu kéo	Chiếc	01	2.000.000.000	
7	Lu rung	Chiếc	01	2.000.000.000	
8	Xe téc nước	Chiếc	01	1.000.000.000	
	Tổng			40.500.000.000	



VIMECO

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP, VẬT LIỆU XÂY DỰNG CHỦ YẾU NĂM 2012

Phụ lục số 4

TT	Các sản phẩm chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2011			Kế hoạch định hướng năm 2012			Ghi chú
			Khối lượng	Đơn giá bình quân	Thành tiền (đồng)	Khối lượng	Đơn giá bình quân	Thành tiền (đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Bê tông các loại	m3	366.162		361.141.202.216	329.480		330.600.096.400	
1	Cấp nội bộ	m3	41.018	995.000	40.812.910.000	60.000	1.010.000	60.600.000.000	Tính vào xây lắp
2	Cấp ngoài	m3	325.144	985.189	320.328.292.216	269.480	1.001.930	270.000.096.400	
II	Đá các loại	m3	577.104		86.381.720.650	572.220		88.907.614.160	
1	Cấp nội bộ	m3	277.823	159.434	44.294.432.182	430.000	160.250	68.907.500.000	Tính vào xây lắp
2	Cấp ngoài	m3	299.281	140.628	42.087.288.468	142.220	140.628	20.000.114.160	

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

I. Công tác đào tạo

Phụ lục 5

TT	Khóa học	Đơn vị	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Tổng cộng
1	Quản trị kinh doanh MBA (Việt nam)	Người	-	03	03	03	-	09
2	Kỹ năng lãnh đạo, quản lí chất lượng - AOTS (Nhật bản)	Người	01	01	04	04	09	19
3	Cải tiến hiện trường - AOTS tổ chức tại Việt nam	Người	-	-	-	05	06	13
4	Kỹ năng lãnh đạo - ĐH chính sách công Maryland (Mĩ)	Người	-	-	-	02	02	04
5	Thực tập công tác Bên tông tại YAMACON (Nhật bản)	Người	-	-	-	-	04	04
6	Tổng kinh phí đào tạo	Triệu đồng	27,0	144,51	306,50	787,71	537,71	1.803,43

II. Công tác nhân sự

TT	Nội dung	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Ghi chú
1	Tổng số lao động	990	986	975	969	893	
2	Đại học, trên đại học	186	187	185	189	174	
3	Cao đẳng, trung cấp	80	75	70	67	65	
4	Lao động có tay nghề	664	659	660	650	590	
5	Lao động phổ thông	60	65	60	63	64	